|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN** | | | | | | |
| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | **Thời hạn giải quyết tại huyện** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí**  **(nếu có)** | **Căn cứ pháp lý** |
| **1** | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **2** | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **3** | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **4** | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện | 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Không | - Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công  - Thông tư 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu |
| **5** | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **6** | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **7** | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **8** | Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **9** | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **10** | Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu |
| **11** | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;  - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. |
| **12** | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;  - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. |
| **13** | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;  - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. |
| **14** | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí |
| **15** | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Không | Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí |
| **16** | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Theo quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | \* Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Thu phí thẩm định:  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  + Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  \* Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. | Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí |

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI**

**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TỈNH HẬU GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang)*